

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 246/2023/HNGĐ - ST  
Ngày 18 - 10 - 2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hồ Chí Thêm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Đỗ Thanh Tú**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 400/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thùy N** – sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ** – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thùy N trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2011, qua quen biết nên chị và anh Đ có tiến tới hôn nhân, có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2022 ngày 06/6/2022. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do

thường xuyên bất đồng ý kiến về những việc trong cuộc sống gia đình, từ đó làm cho quan điểm sống của anh chị hoàn toàn không hợp nhau nữa, dù chị cố gắng vun đắp tình cảm nhưng không thể vun đắp được nữa. Do vậy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nữa. Từ đó, làm cho mâu thuẫn của anh chị ngày càng gay gắt hơn, thường xuyên cự cãi không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là Trần Như Y, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012; Trần Trọng Ng, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Trần Gia Ng2, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018, hiện nay do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thùy N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày tại Biên bản làm việc ngày 11/9/2023 của Tòa án:*

Về hôn nhân: Vào năm 2011, anh và chị N kết hôn với nhau và đến ngày 06/6/2022 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2022. Thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc, nhưng sau thì phát sinh mâu thuẫn, chị N bỏ nhà ra đi ba lần vì anh chị cự cãi nhau, anh chị đã sống ly thân được hơn một năm nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương chị N, anh xét thấy mâu thuẫn giữa anh và chị N vẫn còn khả năng hàn gắn, vẫn còn chung sống với nhau được, mâu thuẫn không trầm trọng.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N là anh chị có ba con chung là Trần Như Y, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012; Trần Trọng Ng, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Trần Gia Ng2, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018, hiện nay do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn Đ trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh Trần Văn Đ yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn với chị N. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có và nợ chung, nợ riêng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm,

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy N với anh Trần Văn Đ. Về con chung: Giao các con chung cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung, nợ riêng: Chị N và anh Đ yêu cầu tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thùy N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn Đ. Khi khởi kiện anh Đ cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thùy N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2022 ngày 06/6/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị N xác định, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến về những việc trong cuộc sống gia đình, từ đó làm cho quan điểm sống của anh chị hoàn toàn không hợp nhau nữa, dù chị cố gắng vun đắp tình cảm nhưng không thể vun đắp được nữa và đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy, chị N và anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy N và anh Trần Văn Đ.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh Đ có ba người con chung tên Trần Như Y, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012; Trần Trọng Ng, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Trần Gia Ng2, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018, hiện nay do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N và anh Đ đều yêu cầu được nuôi các con chung là cháu Y, cháu Trọng Ng và cháu Gia Ng2. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N yêu cầu được nuôi các con chung nhưng không có chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con, các con chung của anh chị hiện nay đang sống cùng anh Đ. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án thì cháu Y có nguyện vọng sống với

anh Đ. Hơn nữa, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu Trọng Ng và cháu Gia Ng2, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung là cháu Y, cháu Trọng Ng và cháu Gia Ng2 của anh Đ là phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và chính đáng nên được chấp nhận. Giao các cháu Trần Như Y, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012; Trần Trọng Ng, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Trần Gia Ng2, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 cho anh Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy N và anh Trần Văn Đ thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thùy N và anh Trần Văn Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thùy N phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thùy N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009302 ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy N và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Như Y, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012; Trần Trọng Ng, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Trần Gia Ng2, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 cho anh Trần Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thùy N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Đ không yêu cầu chị Nguyễn Thùy Na cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy N và anh Trần Văn Đ thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thùy N và anh Trần Văn Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thùy Na đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009302 ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí.

*Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Chí Thêm**